

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22-5-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Minh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoài Việt;

Ông Biện Hoàn Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Sinh, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXX-ST ngày 23 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 17-4-1995; địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông K, sinh ngày 01-11-1969; địa chỉ: Số 15, Yiujuk- Gil 465BEON-Gil, Gangneug-Si, Gangwon-Do; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 01 năm 2018; quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày: Chị H và ông K kết hôn tại Chuncheon-Si, Gangwon-Do; giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 19-9-2018. Sau khi kết hôn xong, ông K trở về nước không quay trở lại Việt Nam; đến nay không liên lạc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị có yêu cầu được ly hôn.

Con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã tiến hành thu thập chứng cứ, ủy thác tư pháp cho bị đơn theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện

đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H; con chung, tài sản, nợ chung: không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp, tổng đạt văn bản tố tụng; thu thập lời khai của ông K; định ngày mở phiên hòa giải ngày 11-10-2019; mở phiên tòa ngày 11-02-2020; phiên tòa lần hai ngày 11-3-2020.

[1.2] Bộ Tư pháp có Công văn số: 2368/BTP-PLQT 29/7/2020 ngày 29-7-2019 của trả lời kết quả ủy thác tư pháp.

[1.3] Cục Quản lý Tòa án quốc gia, Đại Hàn Dân Quốc có Văn bản số: 2019-D-336 ngày 20-6-2019 của; thông báo không thể chuyển phát hồ sơ tổng đạt ủy thác.

[1.4] Chị Lê Thị Ngọc H có Đơn yêu cầu đăng tin thông báo lập ngày 15-01-2020.

[1.5] Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh có Công văn số: 02/TAND-DS ngày 17-01-2020 yêu cầu Ban đối ngoại, Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV5) hỗ trợ đăng tin thông báo cho ông K; địa chỉ: Số 15, Yuijuk- Gil 465BEON-Gil, Gangneug - Si, Gangwon-Do; trên Hệ phát thanh đối ngoại Quốc gia, Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV5).

[1.6] Chị Lê Thị Ngọc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt lập ngày 21-10-2019; căn cứ Khoản 1 Điều 228; Khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; xét xử vắng mặt chị H.

[2] Nội dung:

[2.1] Hôn nhân: Chị H và ông K kết hôn tại Chuncheon-Si, Gangwon-Do; có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 19-9-2018. Sau khi kết hôn, ông K trở về nước không quay trở lại Việt Nam; đến nay không liên lạc; do đó mục đích hôn nhân không đạt được, chị H có yêu cầu được ly hôn phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định không có.

[3] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Theo Khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: “a) Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”; do đó chị Lê Thị Ngọc H phải chịu số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình.

[5] Lệ phí ủy thác tư pháp: Chị Lê Thị Ngọc H phải chịu số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng; khấu trừ vào số tiền 200.000 (hai trăm năm mươi nghìn) đồng chị H đã nộp theo Biên lai thu số: 0019975 ngày 08-3-2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; ghi nhận chị H đã nộp xong.

[6] Chi phí thực tế ủy thác tư pháp: Chị Lê Thị Ngọc H không phải chịu. Hoàn trả cho chị Lê Thị Ngọc H số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng; theo Biên lai thu số 0000854 ngày 08-3-2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Hôn nhân*: Chị Lê Thị Ngọc H được ly hôn với ông K.

2. *Con chung, tài sản chung, nợ chung*: Không có.

3. *Án phí*: Chị Lê Thị Ngọc H phải chịu số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình; khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: 0000830 ngày 12-02-2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; ghi nhận chị H đã nộp xong.

4. *Lệ phí ủy thác tư pháp*: Chị Lê Thị Ngọc H phải chịu số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng; khấu trừ vào số tiền 200.000 (hai trăm năm mươi nghìn) đồng chị H đã nộp theo Biên lai thu số: 0019975 ngày 08-3-2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; ghi nhận chị H đã nộp xong.

5. *Chi phí thực tế ủy thác tư pháp*: Chị Lê Thị Ngọc H không phải chịu. Hoàn trả cho chị Lê Thị Ngọc H số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng; theo Biên lai thu số 0000854 ngày 08-3-2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, báo cho chị H biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong hạn một tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, báo cho ông K biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TANDTC;
- VKSNDCC;
- VKSNDTN;
- Cục THADSTN;
- Phòng KTNV.TATN;
- Những người TGTT
- Lưu tập án; hồ sơ.

(đã ký)

Nguyễn Thanh Minh Châu